TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ LONG MỸ** **TỈNH HẬU GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 22 – 8 – 2022
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ LONG MỸ
TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Lil

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Âu Cần Đông

Bà Đặng Thị Em

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Ngọc Nhiệm – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Mỹ Diện, là Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 12/2022/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 02 năm 2022 về tranh chấp ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 72/2022/QĐXXST–HNGĐ ngày 13 tháng 7 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 37/2022/QĐST-HNGĐ, ngày 01 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Hàng N, sinh năm: 1990 (có mặt).

Địa chỉ: ấp L 2, xã T, thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

2. Bị đơn: Anh Cao Hoài T, sinh năm: 1983 (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp L 2, xã T, thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Nguyễn Thị Thu V, sinh năm 1963 (có mặt).

Địa chỉ: khu vực 1, phường Tr, thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

3.2. Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam.

Địa chỉ: CC5, Bán đảo Linh Đàm, phường Hoàng Việt, quận Hoàng Mai,

thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Dương Quyết Thắng – Chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Nhựt Y – Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam, Phòng giao dịch thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang (có yêu cầu xin vắng mặt).

Địa chỉ: khu vực 5, phường Th, thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Hàng N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Vào năm 2007 chị Nguyễn Thị Hàng N và anh Cao Hoài T tổ chức lễ cưới, đến ngày 21/02/2008 anh chị mới đăng ký kết hôn theo quy định tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang, hôn nhân do anh chị cùng tự nguyện.

Về nguyên nhân mâu thuẫn: Thời gian đầu cuộc sống vợ chồng hạnh phúc nhưng đến đầu năm 2022 vợ chồng xảy ra mâu thuẫn do anh T nhắn tin qua lại với người phụ nữ khác, chị N đã nhiều lần khuyên ngăn nhưng anh T không thay đổi. Từ đó, cuộc sống vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị N yêu cầu được ly hôn với anh T.

Về con chung: Chị N và anh T có 02 con chung, tên Cao Như H (Giới tính: Nữ) sinh ngày 29/9/2008 và cháu Cao Hoài Th (Giới tính: Nam) sinh ngày 03/3/2014. Cháu H đang sống chung với chị N, cháu Th đang sống chung với anh T.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận.

Về nợ chung: Quá trình chung sống vợ chồng chị N và anh T có nợ bà Nguyễn Thu V (mẹ ruột chị N) số tiền 35.000.000 đồng, nợ Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam – Phòng giao dịch thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang số tiền 52.000.000 đồng.

Tại phiên tòa, chị Nguyễn Thị Hàng N yêu cầu được ly hôn với anh Cao Hoài T, con chung chị N yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Cao Như H, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung. Còn cháu Cao Hoài Th chị N đồng ý để anh T nuôi dưỡng. Tài sản chung vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nợ chung chị N đã trả xong số tiền 35.000.000 đồng cho bà Nguyễn

Thu V, còn số tiền nợ 52.000.000 đồng và lãi suất phát sinh của Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam – Phòng giao dịch thị xã Long Mỹ chị N yêu cầu anh T đứng ra trả số nợ cho Ngân hàng.

Quá trình giải quyết vụ án bị đơn Cao Hoài T có lời trình bày: Anh T thống nhất lời trình bày của chị N về quan hệ hôn nhân, nguyên nhân mâu thuẫn, con chung, tài sản chung, nợ chung là đúng. Anh T không đồng ý ly hôn, anh yêu cầu đoàn tụ lại để anh chăm lo cho con chung và gia đình. Nếu Tòa án giải quyết cho ly hôn thì anh T đồng ý để chị N được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Cao Như H, còn cháu Cao Hoài Th thì anh T yêu cầu được nuôi dưỡng, anh T không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết. Nợ chung anh T đồng ý trả cho Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam – Phòng giao dịch thị xã Long Mỹ số tiền 52.000.000 đồng và lãi suất phát sinh.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thu V trình bày: Trước đây vợ chồng chị N và anh T có nợ bà số tiền 35.000.000 đồng nhưng trong quá trình giải quyết vụ án chị N đã trả xong số tiền trên nên bà V không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam – Phòng giao dịch thị xã Long Mỹ có người đại diện theo ủy quyền là bà Nguyễn Nhựt Y trình bày: Hiện tại chị N và anh T còn nợ Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam – Phòng giao dịch thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang số tiền 52.000.000 đồng và lãi suất phát sinh. Chị N và anh T thỏa thuận giao anh T có nghĩa vụ trả số nợ trên cho Ngân hàng, Ngân hàng cũng đồng ý để anh T tiếp tục trả nợ, hiện tại Ngân hàng chưa yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh T trả nợ. Trường hợp anh T không thực hiện việc trả nợ thì Ngân hàng sẽ khởi kiện anh T thành vụ án khác.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang phát biểu ý kiến như sau: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký, nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Riêng bị đơn chưa chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự như vắng mặt tại phiên tòa không lý do.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Thị Hàng N, cho chị Nguyễn Thị Hàng N được ly hôn

với anh Cao Hoài T. Về con chung giao cháu Cao Như H cho chị Nguyễn Thị Hàng N nuôi dưỡng; giao cháu Cao Hoài Th cho anh Cao Hoài T nuôi dưỡng.

Chị N và anh T chưa yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên chưa xem xét.

Dành quyền thăm nom, chăm sóc giáo dục con chung cho chị N và anh T không ai được cản trở.

Về tài sản chung: Chị N và anh T tự thỏa thuận chưa yêu cầu giải quyết nên chưa xem xét.

Về nợ chung: Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam – Phòng giao dịch thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang chưa yêu cầu anh T trả nợ nên chưa xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ đã thể hiện trong hồ sơ vụ án được thẩm tra, tranh luận tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại tòa án, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về thủ tục: Bị đơn Cao Hoài T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không lý do, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam, có người đại diện theo ủy quyền bà Nguyễn Nhựt Y có yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trên.

[1.2] Về thẩm quyền: Đây là vụ án "Tranh chấp ly hôn" theo quy định tại Điều 28, Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Qua các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cũng như lời khai của chị Nguyễn Thị Hàng N tại phiên tòa, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định chị Nguyễn Thị Hàng N và anh Cao Hoài T đã đăng ký kết hôn tại kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang vào ngày 21/02/2008, nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp.

Xét yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị Hàng N, Hội đồng xét xử xét thấy: Thời gian đầu cuộc sống vợ chồng của chị Nguyễn Thị Hàng N và anh Cao Hoài T rất hạnh phúc nhưng đến đầu năm 2022 vợ chồng xảy ra mâu thuẫn do chị N phát hiện anh T nhắn tin qua lại với người phụ nữ khác, chị N đã nhiều lần

khuyên ngăn nhưng anh T không thay đổi. Từ đó, cuộc sống vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Tại phiên tòa, chị N cương quyết yêu cầu được ly hôn với anh T. Xét thấy, mâu thuẫn trong cuộc sống hôn nhân của chị Nguyễn Thị Hàng N và anh Cao Hoài T là trầm trọng.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 *"Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được".* Vì vậy, chị Nguyễn Thị Hàng N yêu cầu được ly hôn với anh Cao Hoài T là hoàn toàn có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Chị N và anh T có 02 con chung, tên Cao Như H (Giới tính: Nữ) sinh ngày 29/9/2008 và cháu Cao Hoài Th (Giới tính: Nam) sinh ngày 03/3/2014, cháu H hiện đang sống chung với chị N, cháu Th đang sống chung với anh T. Tại bản tự khai của cháu Cao Như H trình bày, sau khi cha mẹ ly hôn nguyện vọng của cháu xin được sống chung với mẹ (Nguyễn Thị Hàng N), bản tự khai của cháu Cao Hoài Th trình bày sau khi cha mẹ ly hôn nguyện vọng của cháu xin được sống chung với cha (Cao Hoài T). Quá trình giải quyết vụ án chị Nguyễn Thị Hàng N và anh Cao Hoài T cùng thống nhất thỏa thuận giao cháu Cao Như H cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng; Giao cháu Cao Hoài Th cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng. Xét thấy sự thỏa thuận của chị N và anh T là tự nguyện và phù hợp với nguyện vọng của con chung. Vì vậy, Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận giữa chị Nguyễn Thị Hàng N và anh Cao Hoài T, giao cháu Cao Như H cho chị Nguyễn Thị Hàng N tiếp tục nuôi dưỡng; Giao cháu Cao Hoài Th cho anh Cao Hoài T tiếp tục nuôi dưỡng.

[2.3] Về cấp dưỡng: Chị Nguyễn Thị Hàng N và anh Cao Hoài T chưa yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên chưa xem xét.

Chị Nguyễn Thị Hàng N và anh Cao Hoài T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

[2.4] Về tài sản chung: Chị N và anh T chưa yêu cầu Tòa án giải quyết nên chưa xem xét.

[2.5] Về nợ chung: Ghi nhận sự tự nguyện của anh Cao Hoài T đồng ý trả số tiền còn nợ và lãi suất phát sinh cho Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam –

Phòng giao dịch thị xã Long Mỹ. Do Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam chưa yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh T trả nợ nên Hội đồng xét xử chưa xem xét. Trường hợp anh Cao Hoài T không thực hiện việc trả nợ cho Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam thì Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam sẽ khởi kiện anh Cao Hoài T thành vụ án khác khi có yêu cầu.

[3] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ nên chấp nhận.

[4] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chị Nguyễn Thị Hàng N phải chịu là 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)*.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, Điều 35, Điều 147, Điều 227, Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 9, Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 81 và Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Hàng N được ly hôn với anh Cao Hoài T.

2. Về con chung: Giao cháu Cao Như H (Giới tính: Nữ) sinh ngày 29/9/2008 cho chị Nguyễn Thị Hàng N nuôi dưỡng; Giao cháu Cao Hoài Th (Giới tính: Nam) sinh ngày 03/3/2014 cho anh T nuôi dưỡng.

Chị N và anh T chưa yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên chưa xem xét.

Chị N và anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Chị N và anh T chưa yêu cầu Tòa án giải quyết nên chưa xem xét.

4. Về nợ chung: Ghi nhận sự tự nguyện của anh Cao Hoài T đồng ý trả số tiền còn nợ và lãi suất phát sinh cho Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam –

Phòng giao dịch thị xã Long Mỹ. Do Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam chưa yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh T trả nợ nên Hội đồng xét xử chưa xem xét. Trường hợp anh Cao Hoài T không thực hiện việc trả nợ cho Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam thì Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam sẽ khởi kiện anh Cao Hoài T thành vụ án khác khi có yêu cầu.

5. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Hàng N phải chịu 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)*. Chị N được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* theo lai thu số 0004125, ngày 11 tháng 02 năm 2022 tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được Nêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Hậu Giang;
- VKS ND thị xã Long Mỹ;
- Chi cục THADS thị xã Long Mỹ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thanh Lil